

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2019/HS-ST

Ngày : 05-9-2019

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Đình Tú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tuyết
2. Bà Đỗ Thị Hải;

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Phan Văn Dự - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Chung - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 9 năm 2019 tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố B (TP. B), tỉnh Lâm Đồng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 84/2019/TLST-HS ngày 01 tháng 8 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 94 /2019/QĐXXST- HS ngày 23 tháng 8 năm 2019 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Dương Minh Đ**, tên gọi khác: không; sinh ngày 21/7/1992, tại tỉnh Q; HKTT: Tổ M, khu P, phường Y, Tp. U, tỉnh Q; nơi cư trú: Số N, đường C, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Thiên chúa; Trình độ văn hóa: 11/12; nghề nghiệp: Lao động tự do; con ông: Dương Văn Ch, và bà: Nguyễn Thị B; vợ: Mai Phạm Thanh Tr, sinh năm 2000; hiện trú tại số V, đường L, Phường X, TP. B, Lâm Đồng; con: Chưa có; tiền sự: không; tiền án: Ngày 30/9/2011 bị Tòa phúc thẩm tại TP. H xử phạt 11 năm tù về tội Cướp tài sản. Chấp hành xong hình phạt tù vào ngày 28/02/2018; bị bắt tạm giam từ ngày 11/4/2019 cho đến nay, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Nguyễn Công Th, sinh năm 1964; trú tại: Số X, đường L, thôn Tân H, xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

2. Cù Chính Q, sinh năm 1949; trú tại: số V, đường B, Phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.

3. Phạm Thị Cẩm Nh, sinh năm 1971; trú tại: Xóm N, thôn T, Xã L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

4. Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1961; trú tại: Số M, đường T, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

5. Trần Thị Y, sinh năm 1963; trú tại: Tổ Y, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
6. Nguyễn H, sinh năm 1963; trú tại: Số M, đường V, xã L TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
7. Nguyễn Khánh Th, sinh năm 1983; trú tại: Số Q, đường N, Phường M, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
8. Ka R, sinh năm 1972; trú tại: Tổ V, phường B', TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
9. Đào Ngọc T, sinh năm 1959; trú tại: Số B, đường C, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
10. Phạm Thị Ngọc H, sinh năm 1968; trú tại: Số X, đường T, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
11. Bùi Quang Kh, sinh năm 1954; trú tại: Số V, đường M, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.
12. Lê Thị Ngọc Đ, sinh năm 1989; trú tại: Số D, đường T, phường L TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
13. Trần Khắc H, sinh năm 1974; trú tại: Số N, đường T, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
14. Lâm Thị Hồng C, sinh năm 1982; trú tại: Số X, đường P, Phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.
15. Võ Thị Minh Ng, sinh năm 1960; trú tại: Số V, đường L, phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, có mặt.
16. Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1971; trú tại: Số C, đường L, Phường L, TP. B, tỉnh Lâm Đồng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Vào khoảng tháng 5/2018 Dương Minh Đ từ Quảng Ninh đến địa bàn thành phố B, tỉnh Lâm Đồng để thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao. Để thực hiện việc cho vay, Đ in nhiều tờ rơi quảng cáo trong đó có ghi số điện thoại của Đ (số 0868541666; 0972292892) rồi mang dán khắp các trụ điện, bờ tường và rải khắp nơi xung quanh khu vực TP. B. Khi có khách liên hệ thì Đ gặp để thỏa thuận tiền vay, lãi suất với hai hình thức cho vay là “lãi đứng” và “góp ngày”. Sau khi thỏa thuận xong, Đ kiểm tra, biết địa chỉ rồi mới cho vay, người vay phải thế chấp lại CMND, sổ hộ khẩu hoặc giấy đăng ký xe. Khi cho vay, Đ lập giấy cho vay ghi các thông tin về nhân thân người vay, số tiền cho vay, thời điểm vay tiền. Giấy vay tiền chỉ lập thành 01 bản do Đ giữ. Để theo dõi hoạt động cho vay tiền góp, Đ sử dụng máy vi tính để lập một phần mềm quản lý có tên đăng nhập là N Đ, Mật khẩu: “ND8592”.

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến tháng 3/2019 Dương Minh Đ đã thực hiện cho 33 người vay tiền trên địa bàn thành phố B, Cơ quan Điều tra đã làm việc được với 16 người vay, cụ thể như sau:

1. Nguyễn Công Th: Trong khoảng thời gian từ 21/5/2018 đến 01/9/2018, ông Th vay tiền của Đ 03 lần, với số tiền vay là 30.000.000 đồng, hình thức vay đóng lãi

10.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào ngày 21/5/2018 ông Th vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 01/8/2018 thì ông Th đóng lãi được 14.000.000 đồng (200.000 đồng x 72 ngày). Còn nợ lại tiền gốc. Lần 2: Ngày 01/8/2018 ông Th vay tiếp 5.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên là 25.000.000 đồng. Đến ngày 01/9/2018 ông Th đóng lãi được 7.500.000 đồng (250.000đồng x 30 ngày). Còn nợ lại tiền gốc. Lần 3: Ngày 01/9/2018 ông Th vay tiếp 5.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên 30.000.000 đồng. Đến ngày 10/03/2019 ông Th đóng lãi được số tiền 57.300.000 đồng (300.000 đồng x 191 ngày). Sau đó, ông Th không có khả năng đóng lãi, đến ngày 29/3/2019 ông Th mới đóng thêm được số tiền lãi 1.000.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của ông Th là 80.200.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định là 4.652.055 đồng, Đ đã thu lãi cao hơn gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự (BLDS), thu phí 200.000 đồng, thu lợi bất chính với số tiền 75.747.945 đồng. Hiện ông Th vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 30.000.000 đồng.

2. Phạm Thị Ngọc H: Trong khoảng thời gian từ 01/9/2018 đến 15/03/2019, bà H vay tiền của Đ 04 lần, với số tiền vay là 13.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào ngày 01/9/2018 bà H vay của Đ số tiền 5.000.000 đồng. Đến ngày 30/10/2018 bà H đóng 60 ngày tiền lãi với số tiền là 3.000.000 đồng (50.000 đồng x 60 ngày), còn nợ lại tiền gốc. Lần 2: Ngày 31/10/2018 bà H vay tiếp 5.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên là 10.000.000 đồng. Đến ngày 29/11/2018 bà H đã đóng 30 ngày với số tiền lãi là 3.000.000 đồng (100.000 đồng x 30 ngày), còn nợ lại tiền gốc. Lần 3: Ngày 01/12/2018 bà H không vay thêm mà trả Đ 3.000.000 đồng tiền gốc. Sau đó H đóng lãi cho số tiền gốc 7.000.000 đồng đến ngày 15/3/2019 là 7.350.000 đồng (70.000 đồng x 105 ngày), còn nợ lại tiền gốc. Lần 4: Ngày 15/3/2019 bà H vay lại số tiền 3.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên 10.000.000 đồng. Đến ngày 30/03/2019 H đã đóng lãi được số tiền 1.500.000 đồng (70.000 đồng x 15 ngày), còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của bà H là 14.850.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định là 813.700 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 14.036.300 đồng. Hiện bà H vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

3. Đào Ngọc T: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến tháng 03/2019, bà T vay tiền của Đ 02 lần, với số tiền vay là 30.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào đầu tháng 08/2018 bà T vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 01/3/2019, bà T đã đóng lãi 30 ngày với số tiền lãi là 3.000.000 đồng (100.000 đồng x 30 ngày) và trả hết gốc. Lần 2: Từ 01/02/2019 bà T vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 25/3/2019 đã đóng lãi 54 ngày với số tiền lãi là 10.800.000 đồng (200.000 đồng x 54 ngày), còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của bà T là 13.800.000 đồng, trong đó lãi suất được hưởng theo quy định là 756.165 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 13.043.835 đồng. Hiện bà T

vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

4. Phạm Thị Ngọc H: Trong khoảng thời gian từ tháng 08/2018 đến tháng 03/2019, bà H vay tiền của Đ 02 lần, với số tiền vay là 20.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào đầu tháng 08/2018 bà H vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. Đến ngày 28/11/2018 bà H đã đóng 120 ngày với số tiền lãi là 12.000.000 đồng (100.000 đồng x 120 ngày) còn nợ tiền gốc. Lần 2: Từ 01/01/2019 đến ngày 19/3/2019 bà H vay của Đ thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc tăng lên là 20.000.000 đồng, đã đóng lãi 78 ngày với số tiền 15.600.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của bà H là 27.600.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.512.329 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 26.087.671 đồng. Hiện bà H vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 20.000.000 đồng.

5. Phạm Thị Cẩm Nh: Trong khoảng thời gian từ tháng 04/2018 đến tháng 09/2018, chị Nh vay tiền của Đ 02 lần, với số tiền vay là 25.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 15.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào ngày 28/4/2018 chị Nh vay của Đ số tiền 20.000.000 đồng. Đến ngày 12/5/2018 đã đóng 10 ngày với số tiền lãi là 3.000.000 đồng (100.000 đồng x 30 ngày) và còn nợ tiền gốc. Lần 2: Từ 10/05/2018 Nh vay thêm của Đ số tiền 5.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc là 25.000.000 đồng. Sau đó Nh không có khả năng đóng lãi nên đến ngày 15/9/2018, chị Nh đã thỏa thuận ngừng đóng lãi và trả dần tiền gốc. Đến nay, Nh đã trả cho Đ 11.400.000 đồng tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của chị Nh là 3.000.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 109.589 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 27,38 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 2.890.411 đồng. Hiện Nh còn nợ 13.600.000 đồng.

6. Nguyễn Khánh Th: Trong khoảng thời gian từ tháng 10/2018 đến tháng 3/2019, anh Th đã vay tiền của Đ dưới hai hình thức, là vay “lãi đứng” và vay “góp ngày”.

Hình thức vay “lãi đứng”: Lần 1: Vào ngày 30/10/2018 anh Th vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Đến ngày 30/11/2018 anh Th đã trả hết số tiền lãi 3.000.000 đồng và trả hết số tiền gốc 10.000.000 đồng. Lần 2: Ngày 01/2/2019 anh Th vay của Đ số tiền 6.000.000 đồng, đã đóng lãi đến ngày 01/03/2019 là 1.800.000 đồng, còn nợ lại tiền gốc. Lần 3: Ngày 01/3/2019 anh Th vay thêm của Đ số tiền 4.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên là 10.000.000 đồng. Th đã đóng lãi đến ngày 24/3/2019 là 2.300.000 đồng (100.000 đồng x 23 ngày).

Tổng số tiền lãi thực tế Đ đã thu của Th ở hình thức vay này là 7.100.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 389.041 đồng, lãi suất đã thu vượt quá 18,25 lần so với lãi suất theo quy định trong BLDS, đã thu lợi bất chính số tiền 6.710.959 đồng. Th còn nợ Đ số tiền gốc 10.000.00 đồng.

Hình thức vay “góp ngày”: Lần 1: ngày 01/2/2019 Th vay của Đ số tiền 5.000.000 đồng góp trong vòng 31 ngày, mỗi ngày đóng 200.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi). Khi nào đóng đủ số tiền 6.200.000 đồng là xong kỳ góp. Đến

ngày 25/2/2019, Th đã đáo hạn số tiền 6.200.000 đồng. Lần 2: ngày 26/2/2019 Th vay số tiền 5.000.000 đồng, góp trong vòng 31 ngày mỗi ngày góp 200.000 đồng (bao gồm cả tiền gốc và tiền lãi). Tổng số tiền lãi và gốc phải trả là 6.200.000 đồng. Ở lần này, số tiền 5.000.000 đồng được trừ vào số tiền lãi còn thiếu ở lần vay thứ nhất là 1.200.000 đồng. Th nhận được số tiền thực lĩnh là 3.800.000 đồng. Sau đó đến ngày 17/3/2019 Th đáo hạn khoản vay trên và trả số tiền 4.000.000 đồng. Lần 3: ngày 18/3/2019 Th vay thêm số tiền 5.000.000 đồng. Lần này, Th bị trừ 11 ngày lãi nợ ở lần vay thứ hai là 2.200.000 đồng. Thực tế Th được nhận số tiền 2.800.000 đồng. Th đã trả góp đến ngày 24/3/2019 được số tiền 1.400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Th ở hình thức vay này là 2.670.968 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 189.042 đồng, lãi suất đã thu vượt quá 9,13 lần so với lãi suất theo quy định trong BLDS, thu lợi bất chính 2.481.926 đồng. Hiện Th còn nợ Đ số tiền gốc là 4.800.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của anh Th dưới hai hình thức vay là 9.770.968 đồng, lãi suất đã thu của cả hai hình thức vay này gấp từ 9,13 đến 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, đã thu lợi bất chính với số tiền 9.192.885 đồng. Hiện Th vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 14.800.000 đồng.

7. Nguyễn H: Trong khoảng thời gian từ cuối tháng 01/2019 đến tháng 03/2019, H vay tiền của Đ 03 lần, với số tiền vay là 10.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào cuối tháng 01/2019 H vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. 05 ngày sau H đã đóng lãi 500.000 đồng và trả hết số tiền nợ gốc.

- Lần 2: Đầu tháng 02/2019 H tiếp tục vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. 05 ngày sau H đã đóng lãi 500.000 đồng và trả hết số tiền nợ gốc.

- Lần 3: Ngày 06/3/2019 H vay số tiền 10.000.000 đồng, đã đóng lãi đến ngày 30/3/2019 là 2.500.000 đồng, hiện còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của H là 3.500.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 191.780 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 3.308.220. Hiện H vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

8. Trần Thị Y: Vào ngày 01/9/2018 Y đã vay của Đ số tiền 5.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/01 triệu/ 01 ngày. Đến ngày 20/3/2019 Y đã đóng cho Đ được số tiền lãi là 10.050.000 đồng. Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Y là 10.050.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 550.685 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 9.499.315 đồng. Hiện Y vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 5.000.000 đồng.

9. Cù Chính Q: Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2018 đến tháng 03/2019, Q vay tiền của Đ 04 lần, với số tiền vay là 40.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 15.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào đầu tháng 05/2018 Q vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng. Đã đóng lãi 15 ngày với số tiền lãi là 2.250.000 đồng (150.000 đồng x 15 ngày) và trả hết nợ gốc. Lần 2: Từ 01/06/2018 đến 31/8/2018 Q vay lại của Đ số tiền 10.000.000 đồng. Đã đóng lãi 92 ngày với số tiền 13.800.000 đồng (150.000 đồng x 92 ngày), còn nợ tiền gốc. Lần 3: Từ 01/09/2018

đến 31/12/2018 Q vay thêm số tiền 10.000.000 đồng. Tổng số tiền vay là 20.000.000 đồng. Đã đóng được 122 ngày với số tiền 36.600.000 đồng (300.000 đồng x 122 ngày), còn nợ gốc. Lần 4: Từ 01/01/2019 đến 20/2/2019 Q vay thêm 10.000.000 đồng. Tổng số tiền gốc vay là 30.000.000 đồng. Đã đóng được 51 ngày với số tiền lãi là 22.950.000 đồng. Sau đó, Q không có khả năng trả lãi. Đến ngày 15/3/2019 Đ đã chốt lãi cho Q số tiền là 10.000.000 đồng cộng vào tiền gốc. Do đó, số tiền gốc Q nợ Đ là 40.000.000 đồng. Đến ngày 26/3/2019, Q đóng cho Đ được số tiền 600.000 đồng (lãi của số tiền 40.000.000 đồng)

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Q là 76.200.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 3.024.658 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 27,38 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 73.175.342 đồng. Hiện Q vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 40.000.000 đồng.

10. Ka R: Trong khoảng thời gian từ tháng 11/2018 đến tháng 03/2019, Ka R vay tiền của Đ 02 lần, với số tiền vay là 15.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, cứ 05 ngày đóng lãi một lần. Lần 1: Vào đầu tháng 11/2018 Ka R vay của Đ số tiền 15.000.000 đồng. 05 ngày sau Ka R đã trả hết số tiền lãi là 750.000 đồng và trả hết gốc. Lần 2: Ngày 04/2/2019 Ka R tiếp tục vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng, đã đóng lãi đến ngày 30/3/2019 với số tiền là 5.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Ka R là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 342.466 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 5.907.534đ. Hiện Ka R vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

11. Bùi Quang Kh: Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2018 đến 30/3/2019 Kh đã vay của Đ nhiều lần với tổng số tiền vay là 29.000.000 đồng, hình thức lãi đóng 15.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Lần 1: Từ tháng 5/2018 đến 24/01/2019 Kh đã vay nhiều lần, ít nhất 1.000.000 đồng, nhiều nhất 5.000.000 đồng với tổng số tiền vay là 4.000.000 đồng. Kh đã trả lãi đến ngày 24/01/2019 là 13.980.000 đồng (233 ngày x 60.000 đồng), Còn nợ tiền gốc. Lần 2: Ngày 25/01/2019 Kh vay thêm số tiền 11.000.000 đồng. Số tiền gốc tăng lên là 15.000.000 đồng, đã đóng lãi được 66 ngày với số tiền là 13.900.000 đồng. Đến ngày 30/3/2019, Kh đóng thêm cho Đ số tiền 400.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Kh là 27.880.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 1.053.151 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 27,38 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 26.826.849 đồng. Hiện Kh vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

12. Lê Thị Ngọc Đ: Ngày 01/02/2019 Đ vay của Đ số tiền 6.000.000 đồng, hình thức vay lãi đóng 15.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Đến ngày 30/3/2019 đã đóng lãi được số tiền 5.220.000 đồng (90.000 đồng x 58 ngày)

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Đ là 5.220.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 190.685 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 27,38 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 5.029.315 đồng. Hiện Đ vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 6.000.000 đồng.

13. Trần Khắc H: Trong khoảng thời gian từ tháng 07/2018 đến tháng 11/2018 H đã vay của Đ 03 lần với tổng số tiền vay là 18.000.000 đồng, hình thức vay lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày. Cụ thể: Lần 1: Tháng 07/2018 H vay của Đ 3.000.000 đồng, trong thời gian 30 ngày, hiện đã trả hết số tiền lãi là 900.000 đồng và hết số tiền gốc. Lần 2: Tháng 10/2018 H vay số tiền 5.000.000 đồng trong thời gian 30 ngày, đã trả hết số tiền lãi là 1.500.000 đồng và tiền gốc. Lần 3: Tháng 11/2018 H vay số tiền 10.000.000 đồng trong thời gian 20 ngày, đã trả hết số tiền lãi là 2.000.000 đồng và tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của H là 4.400.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 241.096 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 4.158.904 đồng.

14. Lâm Thị Hồng C: Ngày 01/12/2018 đến 20/3/2019 C vay của Đ số tiền 8.000.000 đồng, hình thức vay lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, đã đóng được 800.000 đồng tiền lãi, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của C là 8.800.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 482.192 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 8.317.808 đồng. Hiện C vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 8.000.000 đồng.

15. Võ Thị Minh Ng: Vào ngày 01/12/2018 Ng vay của Đ số tiền 10.000.000 đồng, hình thức vay lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, đã đóng lãi đến hết ngày 25/3/2019 là 11.500.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Ng là 11.500.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 630.137 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 10.869.863 đồng. Hiện Ng vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 10.000.000 đồng.

16. Nguyễn Thị Đ: Vào đầu tháng 03 năm 2019 Đ vay của Đ số tiền 15.000.000 đồng, hình thức vay lãi đóng 10.000 đồng/ 01 triệu/ 01 ngày, đã đóng lãi đến hết ngày 29/3/2019 là 4.350.000 đồng, còn nợ tiền gốc.

Tổng số tiền lãi Đ đã thu của Đ là 4.350.000 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 238.356 đồng, Đ đã thu với lãi suất gấp 18,25 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền 4.111.644 đồng. Hiện Đ vẫn còn nợ Đ số tiền gốc là 15.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền gốc mà Đ đã sử dụng để cho 16 người vay nêu trên là 320.000.000 đồng, đã thu lãi với số tiền là 307.370.968 đồng, trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 15.367.127, gấp từ 9,13 đến 27,38 lần so với lãi suất quy định trong BLDS, thu lợi bất chính với số tiền là 292.203.841 đồng. Hiện những người vay tiền còn nợ Đ tổng số tiền gốc là 227.400.000 đồng.

Về vật chứng: Quá trình điều tra Cơ quan CSĐT Công an TP. B đã thu giữ: 01 (một) màn hình máy tính hiệu AOC; 01 (một) CPU nhãn hiệu Samsung; 01 (một) bàn phím + con chuột máy tính hiệu ZADEZ; 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 028137 mang tên Hoàng Hoài N của xe mô tô BS: 49K1-504.03; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu vàng đen, số máy: JF63E1806832, số khung: 6301FZ813806, biển kiểm

soát: 49K1-504.03; 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh (kèm 02 sim thuê bao có mã số 8984.04800.88256.68248 và 8984.04800.00363.40964); 01 (một) căn cước công dân số: 022092002820 mang tên Dương Minh Đ; Số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội của mình đúng như cáo trạng đã nêu, không thắc mắc khiếu nại đối với nội dung bản cáo trạng, bị cáo nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật hình sự, bị cáo yêu cầu người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trả lại số tiền gốc và tiền lãi theo quy định của pháp luật mà bị cáo chưa thu hồi được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa còn nợ tiền bị cáo đồng ý tiếp tục thực hiện giao dịch đối với số tiền còn nợ.

Bản Cáo trạng số 88/CT-VKSBL ngày 29 tháng 7 năm 2019 của Viện kiểm sát nhân dân TP. B, tỉnh Lâm Đồng truy tố bị cáo Dương Minh Đ về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự 2015.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến 29/3/2019 tại địa bàn TP. B, tỉnh Lâm Đồng, Dương Minh Đ đã sử dụng số tiền gốc 623.000.000 đồng cho 33 người vay tiền theo hình thức vay góp ngày và lãi đứng, thu về số tiền 1.221.351.568 đồng; đã thu lãi với số tiền là 378.350.968 đồng với lãi suất tính được từ 183% đến 548% trên năm (gấp 9,13– 27,38 lần so với mức lãi suất quy định tại điều 468 BLDS), thu lợi bất chính số tiền 359.036.992 đồng. Trong đó có 16 người vay của Đ cơ quan Điều tra đã làm việc được với số tiền gốc là 320.000.000 đồng, thu về 839.321.568 đồng, thu lãi 307.370.968 đồng (trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 15.367.127), thu lợi bất chính số tiền là 292.203.841 đồng. Hành vi của Dương Minh Đ là vi phạm pháp luật hình sự, xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh chính trị tại địa phương. Do đó Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Đ từ 09 đến 12 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Buộc bị cáo nộp tiền thu lợi bất chính 292.203.841 đồng sung quỹ Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ điều 47 Bộ luật hình sự, điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu sung quỹ: 01 (một) màn hình máy tính hiệu AOC; 01 (một) CPU nhãn hiệu Samsung; 01 (một) bàn phím + con chuột máy tính hiệu ZADENZ; 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh (kèm 02 sim thuê bao có mã số 8984.04800.88256.68248 và 8984.04800.00363.40964); đối với 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 028137 mang tên Hoàng Hoài N của xe mô tô BS: 49K1-504.03; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu vàng đen, số máy: JF63E1806832, số khung: 6301FZ813806, biển kiểm soát: 49K1-504.03 chưa xác định được chủ sở hữu đề nghị giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh xử lý theo

thảm quyền; số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn đồng) là phương tiện phạm tội và 30.000.000đ tiền thu lợi bất chính bị cáo nộp khắc phục một phần hậu quả cần tịch thu sung quỹ Nhà nước. 01 (một) căn cước công dân số: 022092002820 mang tên Dương Minh Đ không liên quan đến việc phạm tội đề nghị trả lại cho bị cáo.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an TP. B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân TP. B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Trong khoảng thời gian từ tháng 5/2018 đến 29/3/2019 tại địa bàn TP. B, tỉnh Lâm Đồng, Dương Minh Đ đã sử dụng số tiền gốc là 320.000.000 đồng cho 16 người vay tiền theo hình thức vay góp ngày và lãi đứng, thu về số tiền là 839.321.568 đồng, thu lãi với số tiền là 307.370.968 đồng (trong đó tiền lãi được hưởng theo quy định là 15.367.127), thu lợi bất chính số tiền là 292.203.841 đồng; với lãi suất tính được từ 183% đến 548% trên năm (gấp 9,13– 27,38 lần so với mức lãi suất quy định tại điều 468 BLDS). Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của nhà nước trong lĩnh vực tài chính, tín dụng, mang tính chất bóc lột, làm cho người vay tiền lâm vào hoàn cảnh khó khăn, gây bất bình trong quần chúng nhân dân, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, ý thức được hành vi cho vay lãi nặng bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vì mục đích háms lợi và thái độ xem thường pháp luật nên vẫn cố ý thực hiện, do vậy cần áp dụng mức hình phạt nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện. Tuy nhiên khi lượng hình cũng cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định trong Bộ luật Hình sự giảm nhẹ phần nào hình phạt cho bị cáo: Bị cáo thành khẩn khai báo, khắc phục một phần hậu quả quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo phạm tội khi chưa được xóa án tích nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tái phạm, quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Xét thấy: Cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng răn đe và phòng ngừa chung.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự thì bị cáo có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Đối với những người có tên trong danh sách vay tiền của bị cáo nhưng hiện tại Cơ quan điều tra chưa xác minh, làm việc được với người vay nên chưa có căn cứ xử lý bị cáo đối với các khoản tiền vay này. Cơ quan điều tra đang tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ được sẽ xử lý sau.

[5] Đối với các giao dịch xác định được 16 người vay tiền của bị cáo, ngoài số tiền thu lợi bất chính đã bị xử lý (số tiền lãi vượt quá 20%/năm) thì các giao dịch trên là giao dịch dân sự hợp pháp, số tiền gốc và lãi theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự, do đó các bên tự định đoạt, Hội đồng xét xử không xét.

[6] Biện pháp tư pháp: Buộc bị cáo Đ nộp 292.203.841 đồng tiền thu lợi bất chính, được trừ số tiền bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 30.000.000 đồng, còn lại tiếp tục phải nộp 262.203.841 đồng để tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

[7]. Xử lý vật chứng: 01 (một) màn hình máy tính hiệu AOC; 01 (một) CPU nhãn hiệu Samsung; 01 (một) bàn phím + con chuột máy tính hiệu ZADENZ; 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh (kèm 02 sim thuê bao có mã số 8984.04800.88256.68248 và 8984.04800.00363.40964); số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn đồng) là phương tiện phạm tội cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

đối với 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 028137 mang tên Hoàng Hoài N của xe mô tô BS: 49K1-504.03; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu vàng đen, số máy: JF63E1806832, số khung: 6301FZ813806, biển kiểm soát: 49K1-504.03 chưa xác định được chủ sở hữu giao cho cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh xử lý theo thẩm quyền; 01 (một) căn cước công dân số: 022092002820 mang tên Dương Minh Đ không liên quan đến việc phạm tội cần trả lại cho bị cáo.

[8]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Về tội danh và hình phạt:

Tuyên bố bị cáo Dương Minh Đ phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”;

Áp dụng khoản 2, khoản 3 Điều 201; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật Hình sự năm 2015: Xử phạt bị cáo Dương Minh Đ 09 (chín) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 11/4/2019; phạt bổ sung 30.000.000 đ (ba mươi triệu đồng).

2/ Biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền thu lợi bất chính 292.203.841 đồng được trừ số tiền bị cáo tự nguyện nộp khắc phục hậu quả là 30.000.000 đồng, bị cáo tiếp tục phải nộp 262.203.841 đồng.

3/ Về xử lý vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 (một) màn hình máy tính hiệu AOC; 01 (một) CPU nhãn hiệu Samsung; 01 (một) bàn phím

+ con chuột máy tính hiệu ZADEZ; 01 (một) điện thoại di động OPPO F9 màu xanh (kèm 02 sim thuê bao có mã số 8984. 04800. 88256. 68248 và 8984. 04800. 00363. 40964); số tiền 2.800.000 (hai triệu tám trăm ngàn đồng).

Giao cho cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thành phố B tiếp tục xác minh và xử lý theo thẩm quyền đối với 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô số: 028137 mang tên Hoàng Hoài N của xe mô tô BS: 49K1-504.03; 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu vàng đen, số máy: JF63E1806832, số khung: 6301FZ813806, biển kiểm soát: 49K1-504.03. Trả lại cho bị cáo Đ: 01 (một) căn cước công dân số: 022092002820 mang tên Dương Minh Đ. (Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 24/7/2019 giữa cơ quan cảnh sát điều tra công an TP. B và Cơ quan Thi hành án dân sự TP. B; biên lai thu tiền số AA/2013/0000141 ngày 30/7/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự TP. B và giấy ủy nhiệm chi ngày 24/7/2019.

4/ Về án phí: Căn cứ Khoản 2 Điều 136 BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326 của Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc bị cáo phải nộp 200.000đ (hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm;

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo, riêng người vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc ngày niêm yết bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Sở tư pháp;
- VKSND TP B;
- Công an TP. B;
- Nhà tạm giữ;
- Người tham gia tố tụng;
- Chi cục T.H.A dân sự tp B;
- Lưu hồ sơ.

Trịnh Đình Tú

